

Bản án số: 20/2018/HS-ST
Ngày 03 - 4 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐẢO, TỈNH VĨNH PHÚC

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đào Nam Dương và ông Lê Duy Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Song Lưu, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo tham gia phiên tòa: Bà Khổng Thị Phú Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 17/2018/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Đặng Xuân Kh, sinh năm 1989; sinh trú quán: Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc; Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Xuân Tr và bà Nguyễn Thị T; có vợ là Nguyễn Thị T1 và có 01 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/12/2017, có mặt.

2. Lãng Văn Đ, sinh năm 1994; sinh trú quán: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề nghiệp: tự do; trình độ văn hóa: 6/12; dân tộc; Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lãng Văn Đ và bà Nguyễn Thị Ch; có vợ là Đào Thị L và có 02 con; tiền sự, tiền án: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 29/12/2017 đến ngày 13/02/2018, có mặt.

Người bị hại: Ông Đặng Xuân Tr, sinh năm 1968; trú tại: Thôn S, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Sái Thị H, sinh năm 1959; trú tại: Thôn D, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

2. Anh Nguyễn Xuân Đ, sinh năm 1975; trú tại: Thôn C, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

3. Anh Tạ Duy H, sinh năm 1974; trú tại: Thôn Ng, xã H, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

4. Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1978; trú tại: Thôn Th, xã B, huyện B, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

5. Ông Nguyễn Văn L, sinh năm 1964; trú tại: Thôn H, xã Ph, huyện S, thành phố Hà Nội, vắng mặt.

Người làm chứng: Chị Đào Thị L, sinh năm 1997; trú tại: Thôn H, xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 23/12/2017, Lãng Văn Đ đang ở phòng trọ tại thôn D, xã Đ, huyện T thì Đặng Xuân Kh đến chơi, Kh nói với Đ: “Tối nay ở S tổ chức Noel, bố mẹ tao không ở nhà, tao với mày về nhà tao dắt trộm bò của bố mẹ tao mang đi bán”, Đ đồng ý. Sau đó, Kh và Đ đi chợ gặp anh Đào Văn Th (anh họ của vợ Đ, chị Đào Thị L), Đ mời anh Th vào uống rượu, anh Th chở Kh, Đ về phòng trọ. Sau khi ăn uống, khoảng 20 giờ Đ nhờ anh Th chở Kh và Đ về nhà Kh nhưng không nói mục đích.

Anh Th điều khiển xe mô tô BKS 88K1-269.09 chở Kh và Đ đến ngã tư thôn S, xã Đ thì Đ và Kh xuống xe đi bộ, anh Th đi về nhà. Kh và Đ đi một đoạn, Kh bảo Đ đợi ở ruộng cỏ ven đường. Khoảng 21 giờ, Kh về đến nhà ông Đặng Xuân Tr, thấy không có người ở nhà, Kh trèo tường rào vào trong vườn, lấy chìa khóa mở cửa chuồng bò, dắt con bò cái lông màu vàng đang mang thai theo lối cửa phụ ra chỗ Đ. Kh, Đ dắt bò về phòng trọ của Đ, khi đến thôn Đ, xã Đ gặp anh Nguyễn Viết X, Đ hỏi: “Bạn cháu có con bò này chú có mua không”, anh X nói: “Tao không mua loại này”. Đ và Kh dắt bò đến gần cây xăng xã H, huyện T, Đ điện thoại cho anh Th hỏi: “Đang ở đâu”, anh Th nói: “Đang ngồi uống nước ở ngã tư M”, Đ nói: “Mua cho em lon nước bò húc mang đến cho em”, anh Th mua nước đến cho Đ rồi đi về nhà, Đ và Kh tiếp tục dắt bò.

Đến phòng trọ, Kh buộc con bò vào gian bếp, Kh và Đ lên giường ngủ. Sáng ngày 24/12/2017, chị Đào Thị L (vợ Đ) thấy có con bò, chị L hỏi Đ, Đ nói: “Bò của nhà Kh mang đến, có ai hỏi mua thì gọi Kh về bán”. Tin là thật nên khi gặp chị Sái Thị H, chị L hỏi: “Có biết ai mua bò không”, chị H điện thoại cho anh Nguyễn Xuân Đ giới thiệu mua bò. Khoảng 16 giờ cùng ngày, anh Đ đến, Kh và Đ bán con bò cho anh Đ với giá 15.400.000đ. Sau đó, anh Đ bán con bò cho Tạ Duy H được 17.200.000đ, anh Đ cho chị H 100.000đ; anh H bán lại con bò cho anh Nguyễn Văn T được 20.000.000đ; anh T bán lại con bò cho anh Nguyễn Văn L được 20.000.000đ.

Sau khi phát hiện bị mất con bò, gia đình ông Đặng Xuân Tr đi tìm và chuộc lại con bò của anh Nguyễn Văn L với giá 20.000.000đ, ngày 28/12/2017 ông Tr giao nộp con bò cho cơ quan điều tra, ngày 06/02/2018 cơ quan điều tra trả lại cho ông Tr con bò.

Tại Kết luận định giá tài sản số: 783/KL-HĐĐG ngày 04/01/2018 Hội đồng định giá tài sản tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện Tam Đảo, kết luận: Giá trị tài sản 01 con bò giống cái trưởng thành và đang có thai, lông màu vàng là 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng).

Quá trình điều tra xác định:

Số tiền 15.400.000đ do Kh và Đ bán con bò, Kh cho Đ 3.000.000đ sau đó Đ đưa lại cho Kh 200.000đ, số tiền còn lại là 12.400.000đ Kh và Đ cùng nhau chi tiêu hết.

Chị Sái Thị H giao nộp 100.000đ, anh Nguyễn Xuân Đ giao nộp 1.700.000đ, anh Tạ Duy H giao nộp 2.800.000đ là số tiền do mua bán bò mà có.

Ông Tr yêu cầu: Đ bồi thường số tiền Kh cho Đ là 2.800.000đ; chị H, anh Đ, anh H trả số tiền do mua bán bò mà có tổng là 4.600.000đ.

Tại Bản Cáo trạng số: 18/CT-VKSTĐ ngày 08/3/2018 Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc đã truy tố Đặng Xuân Kh và Lãng Văn Đ về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Kiểm sát viên luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị:

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, phạt: Đặng Xuân Kh từ 09 tháng đến 01 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (31/12/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2 Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, Điều 69 Luật Thi hành án hình sự, phạt: Lãng Văn Đ từ 07 tháng đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 năm 02 tháng đến 01 năm 08 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Đề nghị về dân sự và xử lý vật chứng theo quy định pháp luật.

Các bị cáo Đặng Xuân Kh, Lãng Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung cáo trạng đã nêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tam Đảo, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án và người làm chứng, tuy nhiên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc xác định tội danh và quyết định hình phạt đối với các bị cáo, do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo Đặng Xuân Kh và Lăng Văn Đ thừa nhận toàn bộ hành vi của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố, thể hiện như sau: Chiều ngày 23/12/2017 Đặng Xuân Kh rủ Lăng Văn Đ đi trộm cắp bò của ông Lăng Xuân Tr (bố đẻ Kh) ở thôn S, xã Đ, Đ đồng ý. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Đ và Kh đi nhờ xe đến ngã tư thôn S, sau đó cùng nhau đi bộ một đoạn, Kh bảo Đ đứng chờ, Kh đi về nhà ông Tr, trèo tường vào mở khóa chuồng bò dắt 01 con bò cái, lông màu vàng đang có thai (trị giá 18.000.000đ). Sau khi trộm cắp, Kh và Đ cùng nhau dắt bò về phòng trọ của Đ, chiều ngày 24/12/2017 Kh và Đ bán con bò cho anh Nguyễn Xuân Đ được 15.400.000đ rồi cùng nhau chi tiêu hết.

[4] Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, phù hợp vật chứng thu giữ, kết luận định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án mà cơ quan điều tra đã thu thập được. Hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng., thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm”. Do đó, Bản cáo trạng Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Đảo, tỉnh Vĩnh Phúc truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[5] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo đều có sức khỏe nhưng không chịu khó lao động, làm ăn chân chính mà lại lao vào con đường phạm tội. Vì vậy, cần phải xử phạt các bị cáo mức hình phạt tù thật nghiêm khắc tương xứng với hành vi, vai trò của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung.

[6] Về tình tiết tăng nặng: Không có

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015. Bị cáo Kh sau khi phạm tội ra đầu thú, bị cáo Đ trước khi phạm tội đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự nên Kh và Đ được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015.

[8] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, không có nghề nghiệp ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về dân sự, xử lý vật chứng:

Quá trình điều tra người bị hại ông Đặng Xuân Tr yêu cầu: Đ bồi thường số tiền Kh cho Đ là 2.800.000đ; chị H, anh Đ, anh H trả số tiền do mua bán bò

mà có tổng là 4.600.000đ. Tại phiên tòa ông Tr rút yêu cầu, việc rút yêu cầu của ông Tr là hoàn toàn tự nguyện nên cần được chấp nhận. Ngoài ra ông Tr không có yêu cầu đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với số tiền 4.600.000đ (100.000đ của chị Sái Thị H, 1.700.000đ của anh Nguyễn Xuân Đ, 2.800.000đ của anh Tạ Duy H) là khoản tiền có được từ việc mua bán tài sản trộm cắp mà có nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước là phù hợp.

[10] Về án phí: Các bị cáo Đặng Xuân Kh và Lăng Văn Đ phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đặng Xuân Kh và Lăng Văn Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Đặng Xuân Kh 09 (chín) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam (ngày 31/12/2017).

Áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999, điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 65 Bộ luật Hình sự năm 2015, xử phạt: Lăng Văn Đ 07 (bảy) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 02 (hai) tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 03/4/2018).

Giao bị cáo Lăng Văn Đ cho Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Vĩnh Phúc giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo Lăng Văn Đ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

3. Áp dụng Điều 47, Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 4.600.000đ (Bốn triệu sáu trăm nghìn đồng). (Có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng ngày 03 tháng 4 năm 2018).

4. Áp dụng khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Đặng Xuân Kh và Lăng Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

5. Các bị cáo Đặng Xuân Kh, Lăng Văn Đ và người bị hại có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Trại TGCA tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)**

- VKSND huyện Tam Đảo;
- Chi cục THADS huyện Tam Đảo;
- Công an huyện Tam Đảo;
- UBND xã Đ, huyện T;
- Các bị cáo, DS;
- Lưu VP, HSVA.

Nguyễn Thị Thu